

Số : / PC3I-TC

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA  
QUÝ 2/2021 SO VỚI QUÝ 2/2020 (TRƯỚC SOÁT XÉT)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2/2021 so với Quý 2/2020 như sau:

1. Báo cáo tài chính quý 2/2020:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2021 : 1.290.497.236 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2020 : -3.086.578.345 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2021 tăng so với quý 2/2020 là 4.377.075.581 đồng, cụ thể như sau:

*DVT: đồng*

CHỈ TIÊU	Quý 2/2021 (1)	Quý 2/2020 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	19.552.883.380	12.546.848.335	7.006.035.045	155,84%
2. Giá vốn hàng bán	13.020.275.818	9.616.980.842	3.403.294.976	135,39%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	6.532.607.562	2.929.867.493	3.602.740.069	222,97%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	398.442.080	303.072.720	95.369.360	131,47%
5. Chi phí tài chính	3.168.490.625	4.182.185.770	-1.013.695.145	75,76%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.360.168.145	2.281.066.907	79.101.238	103,47%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.402.390.872	-3.230.312.464	4.632.703.336	143,41%
9. Thu nhập khác	0	166.768.000	-166.768.000	0,00%
10. Chi phí khác	25.930.342	166.768.000	-140.837.658	15,55%
11. Lợi nhuận khác	-25.930.342	0	-25.930.342	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.376.460.530	-3.230.312.464	4.606.772.994	142,61%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	85.963.294	-143.734.119	229.697.413	159,81%
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>1.290.497.236</b>	<b>-3.086.578.345</b>	<b>4.377.075.581</b>	<b>141,81%</b>

## 2. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 2/2021:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2021 : 16.952.050.077 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2020 : -695.619.507 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2021 tăng so với bán niên năm 2020 là 17.647.669.584 đồng, cụ thể như sau:

*DVT: đồng*

CHỈ TIÊU	6 tháng đầu năm 2021 (1)	6 tháng đầu năm 2020 (1)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	56.416.719.872	31.724.700.076	24.692.019.796	177,83%
2. Giá vốn hàng bán	28.119.484.372	20.020.377.331	8.099.107.041	140,45%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	28.297.235.500	11.704.322.745	16.592.912.755	241,77%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	692.156.589	526.897.895	165.258.694	131,36%
5. Chi phí tài chính	6.585.233.747	8.471.065.673	-1.885.831.926	77,74%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.515.031.818	4.455.774.474	59.257.344	101,33%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.889.126.524	-695.619.507	18.584.746.031	2.671,68%
9. Thu nhập khác	12.320.000	166.768.000	-154.448.000	7,39%
10. Chi phí khác	25.930.342	166.768.000	-140.837.658	15,55%
11. Lợi nhuận khác	-13.610.342	0	-13.610.342	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.875.516.182	-695.619.507	18.571.135.689	2.671,68%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	923.466.105	0	923.466.105	
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>16.952.050.077</b>	<b>-695.619.507</b>	<b>17.647.669.584</b>	<b>2.538,93%</b>

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ năm trước: Thời tiết trong 6 tháng đầu năm có mưa nhiều hơn, thuận lợi cho hoạt động phát điện, bên cạnh đó Công ty đã tổ chức tốt công tác vận hành các nhà máy thủy điện nên tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 37,835 triệu kWh (đạt 215,59% so với cùng kỳ năm trước), nhờ đó làm tăng doanh thu bán điện 177,83%, cụ thể như sau:

Nội dung	NMTĐ Đắk Pône		NMTĐ Đa Krông 1		Cộng	
	Doanh thu trước thuế (tr.đồng)	Sản lượng điện (kWh)	Doanh thu trước thuế (tr.đồng)	Sản lượng điện (kWh)	Doanh thu trước thuế (tr.đồng)	Sản lượng điện (kWh)
1. Quý 1/2020	19.791,35	13.183.680,00	11.931,53	4.365.725,00	31.722,88	17.549.405,00
2. Quý 1/2021	35.256,54	26.521.667,00	21.160,18	11.313.870,00	56.416,72	37.835.537,00
3. Chênh lệch (2-1)	15.465,20	13.337.987,00	9.228,64	6.948.145,00	24.693,84	20.286.132,00
4. Tỷ lệ % tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2020	178,14%	201,17%	177,35%	259,15%	177,83%	215,59%

Chi phí giá vốn 6 tháng đầu năm tăng 140,45% chủ yếu do: (1) tăng các khoản thuế, phí phải nộp được tính theo sản lượng; (2) chi phí khấu hao của NMTĐ Đa Krông 1 tăng do áp dụng thời gian tính khấu hao theo quy định của EVN. Tuy nhiên, do tiết kiệm chi phí hoạt động và cân đối được nguồn vốn để trả nợ gốc vay vốn đầu tư xây dựng NMTĐ

Đa Krông 1 trước hạn (đã trả hết phần gốc vay phải trả năm 2021 và một phần của năm 2022) nên chi phí tài chính đã đáng kể giảm so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT,TC, đăng web.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**